

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 179/2024/HS-PT

Ngày: 16/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

ông Trương Công Thi

Các Thẩm phán:

ông Nguyễn Tấn Long

ông Phùng Anh Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2024/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo bị kháng cáo:

Huỳnh Tấn Anh Đ, sinh ngày 05/3/1992 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lái xe; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Tấn H và bà Lê Thị B; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng: Luật sư Phạm Tiến T – Văn phòng Luật sư X, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị hại:

- Ông Hồ Duy V, sinh năm 1992. Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Bùi Anh V, sinh năm 1992. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Ông Phạm Hải T, sinh năm 1992 và bà Trần Thị Hoàng L, sinh năm 1992; cùng địa chỉ: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1992. Địa chỉ: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Ông Phạm Đình C, sinh năm 1992. Địa chỉ: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đức Anh V, sinh năm 1992. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1991. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1993 thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Hoàng T: Bà Nguyễn Thị Kiều D – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư K. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Luật sư Mai Duy P và Mai Quốc V, Công ty Luật M, Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Ông P có mặt, ông V có mặt.

- Ông Phạm Công N H, sinh năm 1990. Địa chỉ: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Ông Phan Tấn T, sinh năm 1983. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn M, sinh năm 1966. Địa chỉ: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1993. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Lê Văn B, sinh năm 1950. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Bà Đặng Thị B, sinh năm 1952. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Trong khoảng thời gian công tác tại Phòng tín dụng Ngân hàng B Chi nhánh Quảng Nam (từ năm 2019 - 2022), Huỳnh Tân Anh Đ có nhiều khoản nợ của nhiều người, nhưng không có khả năng trả nợ. Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, Đ đã lợi dụng công việc đang làm tại Ngân hàng B Chi nhánh Quảng Nam để đưa ra lời nói và thông tin gian dối với ông Hồ Duy V, ông Bùi Anh V, ông

Phạm Hải T và bà Trần Thị Hoàng L, bà Trần Thị H, ông Phạm Đình C, ông Nguyễn Đức Anh V đều là bạn học với Đ và bà Phạm Thị Kim L là khách hàng thường xuyên vay tiền tại Ngân hàng B Chi nhánh Quảng Nam rằng Đ đang làm dịch vụ đảo hạn cho khách hàng của Đ tại Ngân hàng B Chi nhánh Quảng Nam nên rất cần tiền và hỏi vay tiền của họ với mức lãi suất Đ đưa ra từ 4,5% đến 7,5%/tháng. Do có mối quan hệ quen biết, tin tưởng công việc Đ đang làm tại Ngân hàng B Chi nhánh Quảng Nam và lời nói của Đ là sự thật nên những người bạn trên đồng ý chuyển tiền nhiều lần đến các tài khoản ngân hàng do Đ cung cấp để cho Đ vay. Sau khi vay được tiền, Đ không sử dụng vào việc làm dịch vụ đảo hạn cho khách hàng như đã nói mà chiếm đoạt để sử dụng vào việc trả các khoản nợ, trả lãi vay và tiêu xài cá nhân, cụ thể:

1. Hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Hồ Duy V và ông Bùi Anh V:

Tháng 10/2021 Huỳnh Tấn Anh Đ dùng các số thuê bao điện thoại di động 0914344347 và 0914789705 điện cho ông Hồ Duy V nói dối là Đ cần vay tiền làm đảo hạn cho Công ty TNHH B (*địa chỉ: thành phố T*), Đ tự đưa ra tiền lãi vay giao động từ 4,5% đến 7,5%/tháng tương ứng với số tiền ông V góp vào mỗi lần đảo hạn ngân hàng thì ông V đồng ý. Do ông V không có số tiền lớn theo yêu cầu của Đ nên đã giới thiệu ông Bùi Anh V (*là bạn học cấp 3 với ông V*) tham gia cùng. Tin tưởng Đ là cán bộ ngân hàng, tin lời nói của Đ là thật, ngày 27/10/2021 ông V chuyển khoản số tiền 190.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng số 0331000466564 Ngân hàng V Chi nhánh Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh đến tài khoản số 19036053414031 Ngân hàng T Chi nhánh Quảng Nam của Đ.

Ngày 29/10/2021 ông V đến nhà Đ (*tại xã Điện P, Đ*) trao đổi thỏa thuận nội dung vay tiền giữa Đ với ông V, ông V. Sau khi thỏa thuận, ông V tiếp tục chuyển khoản cho Đ 30.000.000 đồng, tổng cộng là 220.000.000 đồng và Đ viết giấy vay tiền, mục đích vay là làm ăn cá nhân, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày lập giấy vay tiền (*giấy vay tiền do Đ chuẩn bị trước, Đ ghi nội dung, thông tin cá nhân của Đ, còn số tiền vay, mục đích vay, thời gian vay là do ông V viết thêm vào*). Lúc này, ông V chuyển khoản cho Đ số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Đ nói với ông V và ông V là cần thêm nhiều tiền thì ông V nói chỉ có khả năng cho mượn thêm khoảng 550.000.000 đồng, còn ông V cho mượn thêm khoảng 1.300.000.000 đồng, và hứa trong vòng 01 tháng, Đ cần tiền lúc nào thì ông V và ông V chuyển ngay lúc đó nhưng Đ phải viết giấy vay tiền. Giữa ông V, ông V và Đ thỏa thuận lập trước một giấy vay tiền là 2.050.000.000 đồng (*ông V cho vay số tiền 550.000.000 đồng, ông V cho vay số tiền 1.500.000.000 đồng*), mục đích vay là làm ăn cá nhân, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày lập giấy vay tiền. Nhưng thực tế, giữa ông V, ông V và Đ thỏa thuận vay để làm thủ tục đảo hạn cho Công ty, nếu có hưởng lợi nhuận thì Đ sẽ trả tiền lãi phát sinh từ khi cho vay. Sau đó, từ ngày 05/11/2021 đến ngày 25/11/2021 ông V và ông V chuyển khoản nhiều lần cho Đ với số tiền 2.050.000.000 đồng như thỏa thuận của giấy vay tiền. Tổng cộng, ông V và ông V cho Đ vay số tiền 2.270.000.000 đồng (*ông V cho vay 770.000.000 đồng; ông V cho vay 1.500.000.000 đồng*). Sau khi nhận tiền, Đ có trả tiền lãi cho ông V 02 lần với số tiền 12.500.000 đồng (*lần 1:*

2.500.000 đồng; lần 2: 10.000.000 đồng), sau đó Đ không trả tiền lãi vay cho ông V như đã hứa hẹn.

Để trao đổi việc vay tiền thì Đ với ông V và ông V có lập nhóm Zalo có tên đăng nhập là “đáo hạn bank” để trao đổi thông tin về việc chuyển tiền đáo hạn ngân hàng, tiền lãi của mỗi người được hưởng. Sau đó, Đ đổi tên thành “Anh em QN”. Trong tin nhắn của nhóm, Đ là người yêu cầu, kêu gọi góp vốn đáo hạn ngân hàng cho Công ty B, rồi Đ gửi tiền lãi chia cho ông V và ông V, ông V yêu cầu Đ nếu chuyển tiền thì ghi nội dung tin nhắn là “thanh toán tiền thuê nhà”. Đến hạn trả nợ, Đ đưa ra nhiều lý do hứa hẹn nhưng không trả. Đầu năm 2022, ông V và ông V nghe thông tin Đ lừa đảo của nhiều người với số tiền hơn 100.000.000.000 đồng nên nhiều lần liên lạc yêu cầu Đ trả số tiền đã vay thì Đ thừa nhận do cần tiền để trả các khoản nợ của Đ và tiêu xài cá nhân nên Đ đã đưa ra lời nói gian dối là làm đáo hạn ngân hàng cho Công ty TNHH B để ông V và ông V tin tưởng là thật cho Đ vay tiền nhằm mục đích sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài, không có việc làm đáo hạn ngân hàng cho Công ty TNHH B như đã nói với ông V và ông V. Sau khi nghe thông tin ông V tố giác Đ nên Đ đã trả cho ông V số tiền 137.350.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 632.650.000 đồng; trả cho ông V số tiền 306.700.000 đồng (bao gồm cả tiền lãi 12.500.000 đồng), còn chiếm đoạt 1.193.300.000 đồng; tổng cộng, Đ còn chiếm đoạt của ông V và ông V 1.825.950.000 đồng.

* Cơ quan điều tra tiến hành trích sao và in toàn bộ dữ liệu trên điện thoại di động của ông Hồ Duy V tại tài khoản Zalo “Vien KT” có lưu giữ nội dung tin nhắn của nhóm “Anh em QN” do ông V lập ra gồm các thành viên là Bùi Anh V, Hồ Duy V và Huỳnh Tấn Anh Đ để trao đổi việc đáo hạn ngân hàng do Đ đề xuất và chia lãi suất cho ông V và ông V tương ứng với vốn góp theo từng đợt.

* Tiến hành xác minh tại Công ty TNHH B xác định: Nguyễn Tấn Anh Đ là người trực tiếp làm hồ sơ vay vốn ban đầu cho Công ty TNHH B nhưng sau đó những hồ sơ vay vốn của Công ty đều do nhân viên khác làm không có liên quan gì đến Đ, Công ty cũng không vay mượn tiền của Đ để làm thủ tục đáo hạn các khoản vay tại ngân hàng B Chi nhánh Quảng Nam.

* Tại Bản kết luận giám định số 104/KL-KTHS ngày 26/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: - Chữ ký, chữ viết họ tên Huỳnh Tấn Anh Đ dưới mục “NGƯỜI VAY” trên 02 giấy vay tiền ngày 29/10/2021 là chữ viết, chữ ký của Huỳnh Tấn Anh Đ; - Chữ ký, chữ viết họ tên Hồ Duy V, Bùi anh V dưới mục “Người cho vay” trong giấy vay tiền ngày 29/10/2021 là chữ viết, chữ ký của Hồ Duy V, Bùi Anh V.

2. Hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Phạm Hải T và bà Trần Thị Hoàng L:

Ngày 25/8/2020, Huỳnh Tấn Anh Đ sử dụng tài khoản facebook có tên “Đ Huỳnh” nhắn tin với ông Phạm Hải T qua tài khoản facebook có tên “Phạm Hải T” để hỏi vay tiền làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng cho khách hàng với nội dung “*Bữa ni t làm đáo hạn ngân hàng, dư nguồn thì bàn vs vợ lia cho ta, t gửi tiền lời m hi.*

Dịch ít nguồn làm quá, t huy động mấy đứa lớp mình đây”. Tại thời điểm này, bà Trần Thị Hoàng L (là vợ của ông T) đang công tác tại Ngân hàng H Chi nhánh Quảng Nam nên ông T nhắn tin cho Đ có nội dung “Đ nói chuyện với L”, còn ông T không biết dịch vụ này. Sau khi nhắn tin cho ông T thì Đ tiếp tục sử dụng tài khoản facebook có tên “Đ Huỳnh” nhắn tin cho bà Trần Thị Hoàng L qua tài khoản facebook có tên “L Trần” để trao đổi vay tiền của bà L làm đảo hạn ngân hàng, lãi suất Đ tự đưa ra là 6%/tháng (100.000.000 đồng thì mỗi tháng tiền lãi là 6.000.000 đồng). Do tin tưởng Đ là nhân viên tín dụng đang công tác tại Ngân hàng Agrbank Chi nhánh Quảng Nam và lời nói của Đ là thật nên bà L đồng ý cho Đ vay tiền. Từ tháng 10/2020 đến tháng 10/2021 ông T sử dụng tài khoản số 141471368 Ngân hàng Vpbank Chi nhánh Quảng Nam, bà L sử dụng các tài khoản số 230704070005191, số 025704070035835 Ngân hàng H Chi nhánh Quảng Nam và tài khoản số 112656642 Ngân hàng H Chi nhánh Quảng Nam để chuyển nhiều lần với số tiền 3.187.100.000 đồng đến các tài khoản số 19036653414015, số 19036053414023, số 19036053414031 Ngân hàng T Chi nhánh Quảng Nam; tài khoản số 1018191788 Ngân hàng V Chi nhánh Quảng Nam; tài khoản số 4200207002137 Ngân hàng B Chi nhánh Quảng Nam và tài khoản số 040095022784 Ngân hàng S Chi nhánh Quảng Nam của Đ để cho Đ vay. Thời gian đầu, Đ thanh toán tiền gốc và lãi cho vợ chồng bà L đúng thời hạn nhằm tạo niềm tin để vợ chồng bà L tiếp tục cho Đ vay tiền. Những lần vay sau, Đ thoả thuận với bà L là chỉ trả tiền lãi còn tiền gốc thì Đ giữ lại để làm đảo hạn cho những khách hàng khác, khi nào bà L cần tiền thì báo trước để Đ trả cho bà L. Đến tháng 02/2022 thì Đ mất khả năng trả nợ gốc và lãi cho bà L như thoả thuận.

Ngày 23/02/2022 vợ chồng ông T và bà L đã gặp Đ để tính toán, đối chiếu và thống nhất số tiền gốc Đ còn nợ là 3.187.100.000 đồng và Đ tính thêm phần tiền lãi còn nợ vợ chồng ông T và bà L nên đã viết Giấy mượn tiền xác nhận còn nợ ông Phạm Hải T số tiền 3.200.000.000 đồng, cam kết trả mỗi tháng 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ (*Giấy mượn tiền này Đ viết giao cho bà L cất giữ*). Sau khi thoả thuận, viết giấy mượn tiền thì Đ có trả cho bà L nhiều lần với số tiền 490.050.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền 2.697.050.000 đồng. Tháng 11/2022, Đ bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam khởi tố, bắt giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

3. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị H:

Tháng 6/2021, Huỳnh Tấn Anh Đ nhắn tin cho bà H là Đ đang làm dịch vụ đảo hạn cho khách hàng tại Ngân hàng B Chi nhánh Quảng Nam nên rủ bà H tham gia góp vốn để được hưởng lãi suất 5%/tháng (*nghĩa là tiền gốc tham gia 100.000.000 đồng thì mỗi tháng được hưởng 5.000.000 đồng tiền lãi*) thì bà H đồng ý. Để trao đổi nội dung góp vốn cho Đ làm thủ tục đảo hạn ngân hàng, bà H sử dụng tài khoản Zalo tên “H Trần” đăng ký bằng số thuê bao điện thoại di động 0905.646.119 để gọi điện, nhắn tin với Đ qua tài khoản Zalo của Đ tên “Anh Đ” đăng ký từ số điện thoại 0914.344.347. Từ ngày 29/6/2021 đến ngày 01/11/2021, bà H đã dùng tài khoản số 19028669806011 Ngân hàng Techcombank Chi nhánh Đà Nẵng chuyển khoản cho Đ nhiều lần (08 lần) vào số tài khoản 19036053414023 và 19036053414031 Ngân hàng T Chi nhánh Quảng Nam của

Đ với tổng số tiền 600.000.000 đồng (*Đ có viết giấy mượn tiền ngày 31/10/2021*). Đ không sử dụng số tiền vay của bà H vào việc đáo hạn ngân hàng cho khách hàng như đã thỏa thuận mà dùng vào việc trả nợ, trả lãi cho bà H số tiền 83.500.000 đồng và tiêu xài cá nhân.

4. Hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Phạm Đình C:

Tháng 8 năm 2021, Huỳnh Tấn Anh Đ sử dụng tài khoản Zalo “Anh Đ” để gọi điện, nhắn tin với ông Phạm Đình C qua tài khoản Zalo “C Phạm” đăng ký bằng số thuê bao điện thoại di động 0964.792.505 với nội dung Đ cần tiền làm đáo hạn cho khách hàng và rủ ông C cùng góp tiền chung với Đ để là dịch vụ đáo hạn ngân hàng cho khách hàng của Đ, Đ tự đưa ra mức lãi suất 4,5%/tháng (*góp 100.000.000 đồng thì tiền lãi là 4.500.000 đồng/tháng*). Do tin tưởng Đ là cán bộ ngân hàng B Chi nhánh tỉnh Quảng Nam nên ông C đồng ý. Từ ngày 21/8/2021 đến 22/11/2021, ông C nhiều lần chuyển từ tài khoản số 043473040001 Ngân hàng TMCP L của ông C đến tài khoản số 19036053414031 Ngân hàng T Chi nhánh Quảng Nam của Đ với tổng số tiền 400.000.000 đồng để cho Đ vay với lãi suất 4,5%/ tháng. Trong thời gian vay tiền, Đ có trả cho ông C số tiền gốc 100.000.000 đồng và 6.500.000 đồng tiền lãi. Số tiền còn lại 300.000.000 đồng Đ không sử dụng vào việc đáo hạn ngân hàng cho khách hàng như đã nói mà sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

5. Hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Đức Anh V:

Tháng 11/2021, Huỳnh Tấn Anh Đ sử dụng tài khoản Zalo “Anh Đ” đăng ký bằng số thuê bao điện thoại di động 0914.344.347 nhắn tin cho ông V qua tài khoản Zalo “Anh V Nguyễn Đức” đăng ký bằng số thuê bao điện thoại di động 0905.975.192 là Đ đang làm thêm dịch vụ đáo hạn ngân hàng cho khách hàng và hỏi vay tiền của ông V để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng cho khách hàng của Đ, lãi suất 6%/tháng (*nghĩa là tiền gốc tham gia 100.000.000 đồng thì mỗi tháng được hưởng 6.000.000 đồng tiền lãi*). Do biết Đ đang công tác tại Ngân hàng B Chi nhánh tỉnh Quảng Nam, tin tưởng lời nói của Đ là sự thật nên ông V đồng ý. Ngày 09/11/2021, ông V chuyển khoản từ tài khoản số 06001010988777 Ngân hàng TMCP Hàng hải Chi nhánh Quảng Nam của ông V đến tài khoản số 19036053414031 Ngân hàng T Chi nhánh Quảng Nam của Đ số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của ông V, Đ không sử dụng vào việc đáo hạn ngân hàng cho khách hàng như đã nói với ông V mà sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

6. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Phạm Thị Kim L:

Huỳnh Tấn Anh Đ có quen biết và vay tiền của ông Phan Tấn T. Có lần Đ và ông T rủ nhau đi nhậu, Đ điều khiển xe ô tô chở ông T đi. Khi lên xe, Đ nhìn thấy ông T có cầm 01 tập tài liệu và ngồi ở hàng ghế sau của xe ô tô. Sau đó, ông T đã bỏ quên tập giấy tờ này ở ghế sau của xe ô tô. Ngày hôm sau, Đ nhìn thấy tập tài liệu do ông T bỏ quên nên mở ra xem thì thấy bên trong có một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY809065 do UBND huyện Đ cấp ngày 25/11/2015 cho hộ ông Lê Văn B và bà Đặng Thị B đối với thửa đất số 574, tờ bản đồ số 02, diện tích: 56.615m², loại đất rừng sản xuất; địa chỉ: huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cùng các giấy tờ khác có liên quan. Đ lấy tập tài liệu này cất vào hộc chứa đồ của xe ô tô

để khi gặp lại ông T thì trả lại. Đến ngày 14/11/2021, do cần tiền trả nợ nên Đ đã lấy Giấy chứng nhận số BY809065 ngày 25/11/2015 đến gặp vợ chồng bà Phạm Thị Kim L (*là khách hàng vay tiền tại Ngân hàng B Chi nhánh Quảng Nam có quen biết Đ*) và nói dối là Đ có một thửa đất rừng đang trồng keo tại thôn Đông Lâm, xã Đại Quang, huyện Đ do Đ mua lại của hộ ông B, bà B nhưng chưa làm thủ tục sang tên chuyển nhượng, nay cần tiền nên muốn bán lại với giá 300.000.000 đồng, hẹn trong thời hạn 03 tháng sẽ yêu cầu hộ ông B, bà B đến Văn phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng sang tên thì bà L đồng ý mua. Bà L giao đủ số tiền mua thửa đất cho Đ, Đ viết giấy chuyển nhượng kèm bản gốc Giấy chứng nhận số BY809065 ngày 25/11/2015 đưa cho bà L cất giữ. Đến thời hạn, Đ không thực hiện việc lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất theo Giấy chứng nhận số BY 809065 cho bà L như đã thoả thuận, còn số tiền 300.000.000 đồng nhận của bà L thì Đ dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Ông Phan Tấn T xác nhận, không nhớ đã để quên tập tài liệu trên xe của Đ nên không hỏi Đ. Việc Đ đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY809065 ngày 25/11/2015 cấp cho ông Lê Văn B đến chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Kim L ông T hoàn toàn không biết, Đ cũng không nói cho ông T biết. Nay ông T yêu cầu được nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Ông Lê Văn B và bà Đặng Thị B khai báo và xác nhận đã bán thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY809065 do UBND huyện Đ cấp ngày 25/11/2015 cho hộ ông Lê Văn B và bà Đặng Thị B đối với thửa đất số 574, tờ bản đồ số 02, diện tích: 56.615m², loại đất rừng sản xuất; địa chỉ: thôn Đông Lâm, xã Đại Quang, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cho một người ở Đ, có viết giấy bán đất. Nay ông B và bà B không còn liên quan gì đến thửa đất này.

* Ngoài ra, trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam có nhận đơn tố giác của 05 người bị hại gồm: ông Nguyễn Hoàng T, ông Phạm Công N H, ông Phan Tấn T, ông Nguyễn M, ông Đỗ Văn N đối với Huỳnh Tấn Anh Đ về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (số tiền bị chiếm đoạt là: 26.393.000.000 đồng). Quá trình điều tra xác định việc vay mượn tiền giữa Huỳnh Tấn Anh Đ và những người bị hại trên là giao dịch dân sự, người bị hại đã có đơn rút đơn tố giác nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

* Tiến hành xác minh tại Ngân hàng B Chi nhánh tỉnh Quảng Nam, kết quả: Huỳnh Tấn Anh Đ được Ngân hàng B Chi nhánh tỉnh Quảng Nam tuyển dụng chính thức từ ngày 01/9/2018; bộ phận công tác: Phòng khách hàng doanh nghiệp; chức vụ: nhân viên (*Quyết định công nhận hết thời gian thử việc và tuyển dụng chính thức số 1837 ngày 31/8/2018*). Trong quá trình làm việc do Đ tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên theo quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động nên Ngân hàng B Chi nhánh Quảng Nam đã chấm dứt hợp đồng lao động đối với Đ kể từ ngày 09/3/2022 (*Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 428 ngày 08/3/2022*). Công ty TNHH B (*mã số doanh nghiệp 4000365551, địa chỉ: Số 373/6 Phan Chu Trinh, thành phố Tam Kỳ*) có vay vốn tại Ngân hàng B Chi nhánh tỉnh Quảng Nam theo hợp đồng tín dụng ký ngày 04/10/2021, dư nợ hiện tại 159.197.000.000 đồng.

* Kết quả xác minh về tài sản của Huỳnh Tấn Anh Đ:

- Các Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Nam, có Văn bản cung cấp: hiện nay, trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Quảng Nam Huỳnh Tấn Anh Đ không có đứng tên trên Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

- Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (*trừ các ngân hàng có giao dịch vay tiền của Huỳnh Tấn Anh Đ như nêu trên*) cung cấp: hiện nay Huỳnh Tấn Anh Đ không có giao dịch vay tiền tại các tổ chức tín dụng.

- Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Quảng Nam có Văn bản số 162/PC08(ĐKX) ngày 12/7/2022 cung cấp: Huỳnh Tấn Anh Đ không đứng tên chủ sở hữu phương tiện ô tô, mô tô nào.

* Vật chứng của vụ án:

- Huỳnh Tấn Anh Đ giao nộp: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus có gắn sim số thuê bao điện thoại di động 0914344347; 01 CMND mang tên Huỳnh Tấn Anh Đ.

- Bà Trần Thị Hoàng L giao nộp:

+ 01 tập trích sao in dữ liệu từ điện thoại di động của bà L có nội dung tin nhắn trên tài khoản Facebook của bà L tên “L Trần” và nội dung tin nhắn trên tài khoản zalo tên “L Trần” đăng ký bằng số điện thoại 0909987909 với tài khoản facebook của Đ tên “Đ Huỳnh” và nội dung tin nhắn trên tài khoản zalo tên “Anh Đ” đăng ký bằng số thuê bao điện thoại 0914344347 về việc Đ trao đổi việc vay tiền làm đảo hạn ngân hàng và đưa ra mức lãi suất để bà L đồng ý chuyển tiền cho Đ vay.

+ 01 tập tài liệu có nội dung: “Sổ phụ kiểm phiếu báo nợ/có của Ngân hàng H cấp cho khách hàng Phạm Hải T, số tài khoản 141471368; “Sổ phụ kiểm phiếu báo nợ/có của Ngân hàng H cấp cho khách hàng Trần Thị Hoàng L, số tài khoản 112656642; bản kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng H của khách hàng Trần Thị Hoàng L, số tài khoản 230704070005191 và số tài khoản 025704070035835 thể hiện nội dung giao dịch chuyển tiền qua tài khoản giữa ông T, bà L và Huỳnh Tấn Anh Đ;

+ 01 giấy mượn tiền do Huỳnh Tấn Anh Đ ghi ngày 23/02/2022 có nội dung: ngày 23/02/2022 tôi có mượn của ông Phạm Hải T số tiền 3.200.000.000 đồng, cam kết trả nợ mỗi tháng 50.000.000 đồng cho đến khi hết tiền gốc.

- Bà Trần Thị H giao nộp:

+ 01 tập trích sao in dữ liệu từ điện thoại di động của bà Trần Thị H có nội dung tin nhắn trên tài khoản Zalo của bà H tên “H Trần” đăng ký bằng số điện thoại 0905646119 với tài khoản zalo của Đ tên “Anh Đ” đăng ký bằng số thuê bao điện thoại 0914344347 về việc Đ trao đổi việc vay tiền làm đảo hạn ngân hàng và đưa ra mức lãi suất để bà H đồng ý chuyển tiền cho Đ vay.

+ 01 tập tài liệu có nội dung “Sổ phụ kiểm phiếu báo nợ/có của Ngân hàng T Quảng Nam cấp cho khách hàng Trần Thị H, số tài khoản 19028669806011 thể hiện nội dung giao dịch chuyển khoản giữa bà H và Huỳnh Tấn Anh Đ.

+ 01 giấy mượn tiền do Huỳnh Tấn Anh Đ ghi ngày 31/10/2021 có nội dung: ngày 31/10/2021 tôi có mượn của bà Trần Thị H số tiền 600.000.000 đồng.

- Ông Phạm Đình C giao nộp: 01 tập trích sao in dữ liệu từ điện thoại di động của ông C có nội dung tin nhắn trên tài khoản zalo của ông C tên “C Phạm” đăng ký bằng số thuê bao điện thoại di động 0964.792.505 với tài khoản zalo của Đ là “Anh Đ” về việc Đ trao đổi việc vay tiền làm đảo hạn ngân hàng và đưa ra mức lãi suất để ông C đồng ý chuyển tiền cho Đ.

- Ông Nguyễn Đức Anh V giao nộp: 01 tập trích sao in dữ liệu từ điện thoại di động của ông V có nội dung tin nhắn trên tài khoản Zalo của ông V tên “Anh V Nguyễn Đức” đăng ký bằng số thuê bao điện thoại di động 0905.975.192 với tài khoản zalo của Đ tên “Anh Đ” đăng ký bằng số thuê bao điện thoại 0914344347 về việc Đ trao đổi việc vay tiền làm đảo hạn ngân hàng và đưa ra mức lãi suất để ông V đồng ý chuyển tiền cho Đ.

- Ông Nguyễn Hoàng T giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam:

+ 01 tập tài liệu có nội dung: “Sổ phụ kiểm phiếu báo nợ/có của Ngân hàng T Chi nhánh Quảng Nam cấp cho khách hàng Nguyễn Hoàng T, số tài khoản 119029820769022, 19029820769030 thể hiện nội dung giao dịch chuyển tiền qua tài khoản giữa ông T và Huỳnh Tấn Anh Đ;

+ 01 giấy mượn tiền do Huỳnh Tấn Anh Đ ghi ngày 04/12/2021 có nội dung: tôi viết giấy này để xác nhận có mượn của ông Nguyễn Hoàng T số tiền 9.750.000.000 đồng. Mục đích: kinh doanh làm ăn. Cam kết trả nợ: 05 đợt (từ ngày 31/12/2021 đến ngày 15/4/2022 trả hết nợ).

* Về trách nhiệm dân sự: những người bị hại yêu cầu bị can Huỳnh Tấn Anh Đ trả lại số tiền còn chiếm đoạt là: 5.739.500.000 đồng (gồm: ông Hồ Duy V: 632.650.000 đồng, ông Bùi Anh V: 1.193.300.000 đồng, ông Phạm Hải T và bà Trần Thị Hoàng L: 2.697.050.000 đồng, bà Trần Thị H: 516.500.000 đồng, ông Phạm Đình C: 300.000.000 đồng, ông Nguyễn Đức Anh V: 100.000.000 đồng, bà Phạm Thị Kim L: 300.000.000 đồng).

Từ những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2024/HS-ST ngày 24/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Tuyên bố bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ 07 năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/11/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 585, 587, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường thiệt hại về tài sản cho các bị hại, cụ thể:

- Bồi thường cho ông Hồ Duy V số tiền 632.650.000 đồng (Sáu trăm ba mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bồi thường cho ông Bùi Anh V số tiền 1.193.300.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho ông Phạm Hải T và bà Trần Thị Hoàng L số tiền 2.697.050.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm chín mươi bảy triệu không trăm lẻ năm nghìn đồng).

- Bồi thường cho bà Trần Thị H số tiền 516.500.000 đồng (Năm trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bồi thường cho ông Phạm Đình C số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

- Bồi thường cho ông Nguyễn Đức Anh V số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Phạm Thị Kim L số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Tổng cộng số tiền bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ phải bồi thường là 5.739.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ không tự nguyện thi hành trả nợ thì hằng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên buộc bà Phạm Thị Kim L trả lại tài sản cho ông Phan Tấn T là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY809065 do UBND huyện Đ cấp ngày 25/11/2015 cho hộ ông Lê Văn B và bà Đặng Thị B đối với thửa đất số 574, tờ bản đồ số 02, diện tích: 56.615m², loại đất rừng sản xuất; địa chỉ: thôn Đông Lâm, xã Đại Quang, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

- Lưu theo hồ sơ vụ án các tài liệu chứng cứ do người bị hại giao nộp có trong hồ sơ vụ án.

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus có gắn sim số thuê bao điện thoại di động 0914344347.

- Trả lại cho bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ: 01 chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Tấn Anh Đ.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) do bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ đã tạm nộp khắc phục hậu quả để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đ (số tiền trên hiện do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam đang quản lý theo biên lai thu tiền số 0000829 lập ngày 20/9/2024).

5. Về án phí: căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và **113.739.500** (Một trăm mười ba triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng T kháng cáo với lý do Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng; bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ đưa ra thông tin gian dối là làm đảo hạn Ngân hàng để hỏi vay tiền của ông T rồi chiếm đoạt nên ông T là bị hại; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định việc ông T cho Đ vay tiền là quan hệ dân sự nên xác định ông T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dẫn đến xác định số tiền bị cáo Đ lừa đảo chiếm đoạt là không chính xác, bỏ lọt hành vi phạm tội của bị cáo Đ và không giải quyết quyền lợi của ông T ngay trong vụ án này (bị cáo Đ bồi thường cho ông T) là ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Do vậy, ông T đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng T giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

- Về tố tụng, Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng khác đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Về nội dung, sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án và các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Tại giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng T là hợp lệ, trong thời hạn luật định.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuy nhiên họ không kháng cáo, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2021 đến tháng 4/2022 Huỳnh Tấn Anh Đ có các khoản nợ của nhiều người, để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, Đ đã lợi dụng sự quen biết, lợi dụng công việc đang làm tại Phòng khách hàng của Ngân hàng B Chi nhánh tỉnh Quảng Nam để đưa ra lời nói gian dối với những người bị hại rằng: Đ có làm thêm dịch vụ đáo hạn cho khách hàng vay tiền tại ngân hàng để huy động và vay tiền với mức lãi suất Đ tự đưa ra là từ 4,5% đến 7,5%/tháng. Do có mối quan hệ quen biết, tin tưởng công việc của Đ đang làm tại Ngân hàng B Chi nhánh tỉnh Quảng Nam và lời nói của Đ là sự thật nên những người bị hại gồm: Hồ Duy V, Bùi Anh V, Phạm Hải T, Trần Thị Hoàng L, Phạm Đình C, Nguyễn Đức Anh V đã chuyển khoản cho Đ vay với tổng số tiền là 6.857.100.000 đồng (gồm: ông Hồ Duy V: 770.000.000 đồng; ông Bùi Anh V: 1.500.000.000 đồng; bà Trần Thị Hoàng L: 3.187.100.000 đồng; bà Trần Thị H: 600.000.000 đồng; ông Phạm Đình C: 400.000.000 đồng; bà Phạm Thị Kim L: 300.000.000 đồng và ông Nguyễn Đức Anh V: 100.000.000 đồng). Sau khi nhận tiền của những người bị hại nêu trên, Đ không sử dụng vào việc làm đáo hạn cho khách hàng như đã nói mà đã chiếm đoạt để sử dụng vào việc trả các khoản nợ của V, tiêu xài cá nhân và trả cho chính những người bị hại số tiền gốc và lãi vay là: 1.117.600.000 đồng (gồm: ông Hồ Duy V: 137.350.000 đồng; ông Bùi Anh V: 306.700.000 đồng; bà Trần Thị Hoàng L: 490.050.000 đồng; bà Trần Thị H: 83.500.000 đồng; ông Phạm Đình C: 100.000.000 đồng). Tổng cộng, bị cáo Đ còn chiếm đoạt của những người bị hại nêu trên số tiền: 5.739.500.000 đồng (gồm: ông Hồ Duy V: 632.650.000 đồng, ông Bùi Anh V: 1.193.300.000 đồng, ông Phạm Hải T và bà Trần Thị Hoàng L: 2.697.050.000 đồng, bà Trần Thị H: 516.500.000 đồng, ông Phạm Đình C: 300.000.000 đồng, ông Nguyễn Đức Anh V: 100.000.000 đồng, bà Phạm Thị Kim L: 300.000.000 đồng).

Với những hành vi và hậu quả nêu trên của bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ, tại bản án hình sự sơ thẩm số 72/2024/HS-ST ngày 24/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ 07 năm tù, sau khi xét xử, bị cáo, bị hại

không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên các quyết định nêu trên của Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2]. Xem xét kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng T: Về tố tụng, ông T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định ông với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nêu trên là không đúng, lẽ ra ông T là người bị hại trong vụ án. Về nội dung, ông T cho rằng ông T chỉ cho bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ vay mượn tiền nhằm đáo hạn ngân hàng, nhưng bị cáo đã sử dụng vào mục đích khác nên đã có hành vi lừa dối ông T để chiếm đoạt số tiền tổng cộng 9.750.000.000 đồng, hiện đã trả 1.000.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt 8.750.000.000 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T và bị cáo Đ là bạn bè thân do cả hai có thời gian cùng làm việc tại Ngân hàng S chi nhánh huyện Đ. Sau khi Đ chuyển công tác về Ngân hàng Aribank chi nhánh tỉnh Quảng Nam thì giữa bị cáo Đ với ông T thường xuyên vay mượn, trả tiền với nhau, nhưng hai bên không viết giấy vay tiền cũng như khi chuyển khoản không ghi nội dung vay tiền để làm gì. Đến khi Đ không trả được nợ thì hai bên gặp nhau chốt lại nợ và bị cáo Đ viết giấy vay tiền ngày 4/12/2021, số tiền vay là 9.750.000.000 đồng, mục đích kinh doanh làm ăn, cam kết trả nợ 5 đợt từ ngày 31/12/2021 đến ngày 15/4/2022. Quá trình điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đã trả hồ sơ yêu cầu cơ quan điều tra điều tra bổ sung làm rõ nội dung trên, nhưng không có căn cứ để chứng minh bị cáo Đ đã dùng thủ đoạn gian dối vay tiền của ông T nhằm chiếm đoạt, chỉ xác định là quan hệ giao dịch dân sự nên đã không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đ về nội dung này. Hơn nữa, quá trình điều tra, đối chất, ông T cũng đã trình bày: “Câu trả lời của anh Đ là đúng sự thật, chúng tôi không có tài liệu gì để đối chiếu số tiền anh Đ còn nợ tôi mà hai bên nói chuyện và tạm tính số tiền anh Đ còn nợ tôi là 9.750.000.000 đồng. Tôi không có tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc anh Đ hỏi vay tiền của tôi để đáo hạn Ngân hàng cho khách hàng và chúng tôi chỉ gọi điện và trao đổi trực tiếp mục đích vay tiền chỉ có tôi và anh Đ trao đổi việc trên, không có ai biết.” (BL1512-1515). Theo sao kê Ngân hàng của Nguyễn Hoàng T, thể hiện việc ông T chuyển tiền cho bị cáo Đ, từ ngày 04/11/2020 đến ngày 20/9/2021 nhưng không thể hiện nội dung gì (BL 897-946).

Mặt khác, trong quá trình điều tra xác định là giao dịch dân sự, ông Nguyễn Hoàng T đã rút đơn tố giác đối với bị cáo nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý. Vì vậy, tại Bản án sơ thẩm cũng đã xem xét, xác định quan hệ vay mượn tiền giữa bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ với ông Nguyễn Hoàng T là quan hệ dân sự, nhận định ông T có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự là có cơ sở. Trong trường hợp ông T có tài liệu, chứng minh được Huỳnh Tấn Anh Đ có hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của ông T thì có thể tiếp tục tố cáo đến cơ quan điều tra có thẩm quyền để xem xét về một hành vi phạm tội độc lập, không liên quan đến vụ án này.

Với những nhận định nêu trên, Bản án sơ thẩm không vi phạm tố tụng, về nội dung đã giải quyết xét xử đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T về yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm.

[3]. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; biện pháp tư pháp và án phí hình sự, dân sự sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo, ông Nguyễn Hoàng T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng T, giữ nguyên các Quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2024/HS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2/. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Huỳnh Tấn Anh Đ; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; biện pháp tư pháp và án phí hình sự, dân sự sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ông Nguyễn Hoàng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp thành phố tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Công Thi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng Nguyễn Tấn Long Trương Công Thi

